

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/4/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa chị N và anh S”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Mai Thanh Chúc

Ông Kim Na Rinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22/02/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐST-HN, ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp BK I, xã MH, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Kiều Văn S, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp LB, xã LS, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thảo N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S quen nhau và xác lập quan hệ hôn nhân năm 2019 có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống chị và anh S có 01 con chung tên Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 chị N đang nuôi dưỡng, chị N cho rằng thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do kinh tế khó khăn và không có tiếng nói chung nhiều lần vợ chồng có hàn gắn nhưng không có kết quả mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng ly thân 01 năm nay mạnh ai nấy sống không còn quan tâm nhau tình cảm giữa vợ chồng cũng không còn. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiều Văn S.

Về con chung tên: Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 chị N đang nuôi chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Kiều Văn S trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung chị N trình bày là đúng. Về tài sản chung, và số nợ phải thu, phải trả anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh S cho rằng bất đồng quan điểm không có tiếng nói chung ly thân hơn 01 năm nay, từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống gia đình, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh xét thấy còn thương chị N và mong muốn đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N; trường hợp chị N cương quyết ly hôn về con chung tên Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 anh đồng ý để chị N nuôi và anh không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị N, cho chị N và anh S được ly hôn với nhau, về con chung tên Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 chị N đang nuôi để chị N được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị N và anh S không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Kiều Văn S có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo N khởi kiện xin ly hôn với anh Kiều Văn S và yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị N và anh S chung sống với nhau năm 2019 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa chị N và anh S là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị N và anh S tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất, nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị N và anh S đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị N và anh S không đoàn tụ được mạnh ai nấy sống không còn quan tâm với nhau, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin được ly hôn với anh S là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N và anh S được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Tên Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 là con chung của chị N và anh S, trong thời gian anh chị ly thân đến nay con chung Kiều Minh K sống với chị N, được chị N nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và anh S cũng đồng ý để chị N nuôi con. Tại phiên tòa chị N xin được quyền nuôi dưỡng con chung là phù hợp, để con chung Kiều Minh K có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 cho chị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị N và anh S không tranh chấp, không khởi kiện không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N và anh S không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thảo N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thảo N và anh Kiều Văn S được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thảo N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Kiều Minh K, sinh ngày 02/7/2020 sau khi ly hôn.

Anh Kiều Minh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã giải thích Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng chị N và anh S không tranh chấp, không khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N và anh S không khởi kiện, không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị N và anh S không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thảo N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008045 ngày 17/02/2022 do chị N nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, Chị Nguyễn Thị Thảo N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công

khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã LS,
- huyện CN, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Tranh